

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST
Ngày 24/9/2020
“V/v: tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mạnh; 2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2020/TLST – DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **54/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2020** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đình H

Địa chỉ: Thôn 1A, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hoài Q (Có mặt)

Địa chỉ: 79 Ama Jhao, Tp B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Y T và bà H B (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hoài Q trình bày:

Năm 2019 ông Lê Đình H có cho vợ chồng ông Y T, bà H B vay tiền để tổ chức đám cưới cho con gái là H T. Cụ thể: Ngày 01/9/2019 ông H cho ông Y T và bà H B vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 30.000đ/1 triệu/1 tháng, thời gian vay 03 tháng, bà H B có ký giấy vay tiền. Đến ngày 23/9/2019 ông H cho ông Y T và bà H B vay tiếp số tiền 32.200.000 đồng, lãi suất 30.000đ/1 triệu/ 1 tháng, hạn đến ngày 23/11/2019 trả đủ, ông Y T có ký giấy vay tiền. Tổng số

tiền gốc ông H cho ông Y T và bà H B vay là 52.200.000 đồng. Tiền lãi đã trả vào ngày 01/12/2019 được 2.150.000 đồng, ngày 16/12/2019 trả được 2.000.000 đồng. Ông H xác định số tiền 2.150.000 đồng trả vào ngày 01/12/2019 khấu trừ tiền lãi của hai khoản vay trên từ ngày vay đến ngày 01/12/2019. Còn 2.000.000 đồng trả vào ngày 16/12/2019 ông H chấp nhận trừ nợ gốc cho bị đơn. Như vậy, vợ chồng ông Y T còn nợ ông H số tiền gốc là 50.200.000 đồng, yêu cầu vợ chồng ông Y T trả nợ cho ông H số tiền gốc là 50.200.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 02/12/2019 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Y T và bà H B trình bày:

Năm 2019 vợ chồng ông bà tổ chức đám cưới cho con gái là H T và có vay tiền của ông H để tổ chức tiệc cưới. Cụ thể: Ngày 02/9/2019 vợ chồng ông bà vay của ông H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1.000đ/1 triệu/1 ngày, hẹn khi nào có tiền thì trả, ông Y T có ký vào giấy vay tiền. Tiếp đó, ngày 23/9/2019 vợ chồng ông bà vay của ông H số tiền 32.200.000 đồng, lãi suất 1.000đ/1 triệu/1 ngày, hẹn khi nào có tiền thì trả, H B có ký giấy vay tiền. Tổng số nợ gốc là 52.200.000 đồng. Tiền lãi đã trả vào ngày 01/12/2019 được 2.150.000 đồng, ngày 16/12/2019 trả được 2.000.000 đồng. Nay ông bà vẫn nợ tiền gốc của ông H là 52.200.000 đồng chưa trả được khoản nào, hiện nay ông bà phải đi làm thuê, chưa có tiền trả. Ông bà xin khất đến ngày 30/12/2020 thu được cả phê thì sẽ trả nợ gốc cho ông H, còn nợ lãi thì ông bà xin không trả.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 280; 463; 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Y T và bà H B trả cho ông Lê Đình H số tiền nợ gốc là 50.200.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân cấp huyện theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về số nợ: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa xác định được:

Ngày 01/9/2019 ông H cho ông Y T và bà H B vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 30.000đ/1 triệu/1 tháng, thời gian vay 03 tháng. Tiếp đó, ngày 23/9/2019 ông H cho ông Y T và bà H B vay tiếp số tiền 32.200.000 đồng, lãi suất 30.000đ/1 triệu/ 1 tháng, thời gian vay 02 tháng. Các lần vay ông Y T và bà H B có ký giấy vay tiền và cũng thừa nhận còn nợ ông H số tiền gốc 52.200.000 đồng. Phía ông Y T và bà H B xin hẹn đến ngày 30/12/2020 trả nợ cho ông H nhưng không được ông H chấp nhận.

Sau khi vay tiền, ngày 01/12/2019 ông Y T và bà H B đã trả cho ông H số tiền 2.150.000 đồng, ngày 16/12/2019 trả được 2.000.000 đồng. Phía ông H xác định số tiền 2.150.000 đồng là tiền lãi của hai khoản vay từ ngày vay đến ngày 01/12/2019. Hội đồng xét xử xét thấy:

Mức lãi suất các bên thỏa thuận là 30.000đ/1 triệu/1 tháng là vượt quá so với quy định của pháp luật nên cần áp dụng mức lãi suất là 20%/năm (1,66%/tháng) để tính lãi suất của các khoản vay từ ngày vay đến ngày 01/12/2019 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Cụ thể:

- Khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày 01/9/2019 đến 01/12/2019 là 03 tháng: $20.000.000đ \times 03 \text{ tháng} \times 1,66\%/tháng = 996.000 \text{ đồng}$

- Khoản vay 32.200.000 đồng từ ngày 23/9/2019 đến 01/12/2019 là 02 tháng 08 ngày: $32.200.000đ \times 02 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} \times 1,66\%/tháng = 1.211.000 \text{ đồng}$.

Tổng lãi của hai khoản vay từ ngày vay đến ngày 01/12/2019 là 2.207.000 đồng.

Như vậy, số tiền 2.150.000 đồng ông Y T và bà H B đã trả cho ông H được trừ vào tiền lãi của hai khoản vay tính từ ngày vay đến ngày 01/12/2019 là phù hợp. Còn số tiền 2.000.000 đồng trả vào ngày 16/12/2019 ông H tự nguyện trừ vào tiền nợ gốc cho ông Y T và bà H B và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy, việc vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, ông Y T và bà H B đã không thực hiện như cam kết về thời gian trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật

dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Y T và bà H B có trách nhiệm trả nợ cho ông Lê Đình H số tiền nợ gốc 50.200.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Về lãi suất: Ông Y T và bà H B cho rằng khi vay tiền thỏa thuận khi nào có tiền thì trả đồng thời xin không trả tiền lãi tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý và xác định thời hạn trả nợ theo giấy vay tiền là đúng đồng thời yêu cầu tính lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc 50.200.000 đồng từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử (09 tháng 22 ngày) với mức lãi suất 10%/năm, Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể tiền lãi được tính như sau: $50.200.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} \times 22 \text{ ngày} \times 10\%/năm \times 150\% = 6.083.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền mà bị đơn ông Y T và bà H B có có trách nhiệm trả cho ông Lê Đình H là 56.283.000 đồng, trong đó nợ gốc là 50.200.000 đồng, nợ lãi là 6.083.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Y T và bà H B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $56.283.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.814.000 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình H.

Buộc vợ chồng ông Y T, bà H B trả nợ cho ông Lê Đình H số tiền 56.283.000 đồng, trong đó nợ gốc là 50.200.000 đồng, nợ lãi là 6.083.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Vợ chồng ông Y T, bà H B phải chịu 2.814.000 đồng tiền án

phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Đình H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền **1.335.000 đồng tạm ứng án phí** theo biên lai thu số AA/2017/0004350 ngày 10/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý